

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 880/2023/HC-PT

Ngày: 04-12- 2023

V/v: “*Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Quang Dũng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Phách;

Bà Nguyễn Ngọc Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm- Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai- Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 488/2023/TLPT-HC ngày 26 tháng 6 năm 2023 do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13155/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Anh Quàng Văn T, sinh năm: 1975 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1976; Cùng địa chỉ: Bản Noong B, phường Noong B, thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Trần N, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 55, tổ dân phố 11, phường MT, thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ (Có mặt).

*** Người bị kiện:**

- Ủy ban nhân dân thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ;

- Chủ tịch UBND thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ.

Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường HL, thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang H1, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố Đ Phủ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quý H2, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ Phú. (Theo văn bản số 643/UBND-VP ngày 11/4/2023 của UBND thành phố Đ Phú v/v thay đổi đại diện ủy quyền tham gia tố tụng vụ án hành chính) (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Quàng Văn P1, sinh năm 1952 (Vắng mặt).

- Bà Lò Thị CH, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bản Hoong En, phường Nam Thanh, thành phố Đ Phú, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Quàng Văn P1, bà Lò Thị CH là: Ông Trần N, địa chỉ: Số 55, tổ dân phố 11, phường MT, thành phố Đ Phú, tỉnh Đ (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Ông Quàng Văn T, bà Nguyễn Thị H có các thửa đất do tổ tiên tự khai hoang và để lại trước năm 1954; địa chỉ thửa đất: Phường Nam Thanh, thành phố Đ Phú, tỉnh Đ. Các thửa đất sử dụng hợp pháp và không tranh chấp. Cha mẹ đẻ của ông T là ông Quàng Văn P1, bà Lò Thị CH đã bàn giao đất cho ông T, bà H quyền sử dụng đất nhưng chưa làm thủ tục để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, khi quy chủ mang tên Nguyễn Thị H, Quàng Văn T.

Tuy gia đình ông T, bà H chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đủ điều kiện để bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của pháp luật.

Năm 2020, UBND thành phố Đ Phú, tỉnh Đ đã tiến hành thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường theo các Quyết định:

1. Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Đ Phú (viết tắt là Quyết định 813) về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) ông Quàng Văn T, bà Nguyễn Thị H để thực hiện đầu tư xây dựng khu tái các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú, phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đ.

2. Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/05/2020 của UBND thành phố Đ Phú (Viết tắt là Quyết định 804) về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú,

phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đ (Đợt 4).

Gia đình ông T, bà H không nhất trí theo phương án bồi thường về đất với tổng số tiền là: 145.976.400 đồng theo Quyết định 804.

Ông Quảng Văn P1, bà Lò Thị CH đã viết Đơn khiếu nại đề ngày 13/9/2020. Ngày 22/9/2020, gia đình ông T, bà H mới nhận được Quyết định 813.

Ngày 23/9/2020, ông PH, bà CH đã viết đơn khiếu nại (lần 2) gửi UBND thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ.

Ngày 23/02/2021, gia đình ông T, bà H nhận được Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ Phủ (Viết tắt là Quyết định 272) về việc giải quyết khiếu nại của ông Quảng Văn P1, bản Hoong En, phường Nam Thanh, thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ (lần đầu); Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ Phủ (Viết tắt là Quyết định 273) về việc giải quyết khiếu nại của bà Lò Thị CH, bản Hoong En, phường Nam Thanh, thành phố Đ Phủ, tỉnh Đ (lần đầu).

Gia đình ông, bà T, H thấy rằng, UBND thành phố Đ Phủ đã vi phạm về thời hạn giải quyết khiếu nại và không giải quyết được quyền lợi cho ông, bà.

Ông T, bà H đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Đ để giải quyết vụ án, yêu cầu:

1. Hủy một phần Quyết định 804. Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường về đất), mục d (Chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 29 đối với Nguyễn Thị H – Quảng Văn T tại Biểu chi tiết kèm theo Quyết định 804.

2. Hủy Quyết định 272.

3. Hủy Quyết định 273.

4. Hủy một phần Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ Phủ (Viết tắt là Quyết định 2595) về việc Phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phủ phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án theo QĐ số 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đ. (Đợt 9). Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường về đất), mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 1 đối với Nguyễn Thị H – Quảng Văn T tại Biểu chi tiết kèm theo Quyết định 2595.

5. Buộc UBND thành phố ban hành biểu tính toán bồi thường mới đối với diện tích đất đã bị thu hồi, cụ thể: Bồi thường bằng đất (đất trồng cây hàng năm, lâu năm) có cùng mục đích sử dụng khu thu hồi đất; hoặc giá đất bồi thường sát với giá thị trường, cụ thể theo quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày

31/12/2019 của UBND tỉnh Đ, Ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024). Thực hiện đúng, đầy đủ và phù hợp với các chế độ hỗ trợ theo quy định tại Điều 19 (hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất) - Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

6. Đề nghị UBND thành phố Đ Phủ có chế độ hỗ trợ đối với gia đình để bố trí 02 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất không qua đấu giá (mỗi suất đất ở khoảng từ 170m² đến 200m² cho đồng bào dân tộc thiểu số x 02 suất = khoảng từ 340m² đến 400m² đất ở).

7. Kiến nghị UBND thành phố Đ Phủ tiếp tục thực hiện theo thông báo số 1350/TB-UBND ngày 10/9/2020 của UBND thành phố Đ Phủ và những lời tuyên truyền của ông Phạm Văn Sỹ - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ Phủ là: Gia đình nào bị thu hồi 1.000m² đất (trồng cây lâu năm, hằng năm) thì sẽ được giao 01 (suất) đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Tại văn bản văn bản số 2492/UBND-TNMT ngày 15/12/2022 của UBND thành phố Đ Phủ và ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án UBND thành phố Đ Phủ, Chủ tịch UBND thành phố Đ Phủ, người đại diện theo uỷ quyền đã trình bày ý kiến với yêu cầu của người khởi kiện như sau:

1. Việc yêu cầu hủy mục a (bồi thường về đất) và mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 29 đối với Quảng Văn T và Nguyễn Thị H tại biểu chi tiết theo quyết định 804, cụ thể:

“a). Bồi thường, hỗ trợ về đất: Diện tích 705,2m², trong đó:

- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (thửa 31) diện tích 49,9m² x 65.000 đồng.

- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (thửa 32) diện tích 655,3m² x 65.000 đồng.

d) Chế độ hỗ trợ.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất. Đơn giá = 70.000 đ x 2 lần = 140.000 đồng/m²).

- Hỗ trợ di chuyển đúng tiến độ (2.000 đồng/m²; tối đa không quá 2.000.000 đồng/ chủ sử dụng đất) ”.

Trên cơ sở các tài liệu, hồ sơ kê khai, phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất và thời điểm và thời điểm sử dụng đất của ông T bà H có trong hồ sơ phương án xác định. Đất của bà H, ông T “Đất do bố, mẹ khai hoang trước năm 1990 để lại cho con” và mục đích sử dụng đất được xác định “Đất bằng trồng cây hàng năm khác tại thửa 31 diện tích 49,9m², thửa 32 diện tích 655,3m²”.

Căn cứ vào Điều 74, 75, 77 của Luật Đất đai năm 2013 quy định và

Điều 20 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thì việc yêu cầu huỷ Quyết định 804 đối với bà Nguyễn Thị H - ông Quảng Văn T là không có căn cứ.

2. Việc yêu cầu huỷ Quyết định 272 và huỷ Quyết định 273:

Theo nội dung đơn của bà Quảng Thị Chiêng, ông Quảng Văn P1 khiếu nại QĐ số 813/QĐ-UBND ngày 08/05/2020 của UBND thành phố Đ Phú về việc thu hồi đất, UBND thành phố Đ Phú đã tiến hành xác minh và trên cơ sở hồ sơ kỹ thuật thửa đất và mảnh trích đo, chỉnh lý, trích lục địa chính số 09 năm 2019 tờ bản đồ số 01 + 02 + 03, khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú, kết luận ban hành quyết định giải quyết khiếu nại giữ nguyên Quyết định 813 về việc thu hồi đất hộ gia đình ông, bà Thanh, Hà là đúng quy định tại Điều 63 và Khoản 2, Điều 74 của Luật đất đai năm 2013. Do vậy yêu cầu huỷ Quyết định 272, Quyết định 273 về việc giải quyết khiếu nại là không đúng.

3. Việc yêu cầu huỷ một phần Quyết định 2595:

Trên cơ sở hồ sơ phương án đã được duyệt tại Quyết định 804 về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú (đợt 4), UBND thành phố Đ Phú có ban hành Quyết định 2595 về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú (đợt 9), để điều chỉnh, bổ sung đơn giá bồi thường từ 65.000 đồng lên 75.000 đồng, tại Biểu số 02 chi tiết phương án điều chỉnh, bổ sung theo Quyết định 2595 đối với ông bà Thanh – Hà, cụ thể:

“a). Bồi thường, hỗ trợ về đất: Diện tích 705,2m², trong đó:

- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (thửa 31) diện tích 49,9m² x 65.000 đồng.

- Đất bằng trồng cây hàng năm khác (thửa 32) diện tích 655,3m² x 65.000 đồng.

d) Chế độ hỗ trợ.

- Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất. Đơn giá = 82.000 đ x 2 lần = 164.000 đồng/m²).

Như vậy, yêu cầu huỷ mục a (**bồi thường về đất**) và mục d (**Chế độ hỗ trợ**) thuộc số thứ tự 01 đối với ông, bà Thanh – Hà tại Biểu 02 chi tiết điều chỉnh, bổ sung kèm theo Quyết định 2595 là không có căn cứ để cho rằng Quyết định 2595 là trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của ông T, bà H.

4. Buộc UBND thành phố ban hành biểu tính toán bồi thường mới đối với diện tích đất đã bị thu hồi, cụ thể: Bồi thường bằng đất (đất trồng cây hàng năm, lâu năm) có cùng mục đích sử dụng khu thu hồi đất; hoặc giá đất bồi thường sát với giá thị trường, cụ thể theo quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ, Ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024).

Nội dung này theo Quyết định 804 về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15 m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú, căn cứ Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất cụ thể, giá tài sản trên đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Khu tái định cư các hộ dân đường 15 m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú.

Như vậy, căn cứ khoản 2, Điều 74, điểm đ, khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định 2595/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất cụ thể, giá tài sản trên đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú là đúng quy định. Việc ông T, bà H buộc UBND thành phố Đ Phú ban hành biểu tính toán bồi thường đối với diện tích đất đã thu hồi hoặc áp dụng đơn giá đất bồi thường phải sát với giá thị trường (giá đất cụ thể theo Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024), là không có cơ sở, vì: Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 không phải là căn cứ áp dụng cho việc tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất. Việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được thực hiện tại Điểm đ, khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013 quy định giá đất cụ thể để làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

5. Kiến nghị UBND thành phố Đ Phú giao 01 suất đất tái định cư tại chỗ cho gia đình ông T theo Thông báo số 1350/TB-UBND ngày 10/9/2020 của UBND thành phố Đ Phú thông báo kết luận của đồng chí Phạm Văn Sỹ - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ Phú về đẩy nhanh tiến độ thực hiện “Chương trình đô thị miền núi phía Bắc thành phố Đ Phú” và dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư cho các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú.

Theo Điều 86 của Luật Đất đai năm 2013 quy định bố trí tái định cư cho người có đất ở thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở.

Do vậy, việc kiến nghị UBND thành phố Đ Phú giao 01 suất đất tái định cư tại chỗ cho gia đình ông T theo Thông báo số 1350/TB-UBND ngày 10/9/2020 của UBND thành phố Đ Phú là không đúng, vì “Quàng Văn T, Nguyễn Thị H không có đất ở, tài sản thu hồi mà phải di chuyển chỗ ở.

6. Đề nghị UBND thành phố Đ Phú bồi thường 400m² đất cho ông T, bà H để chuyển đổi thành đất ở. Ông T, bà H cũng chấp nhận việc nộp tiền sử dụng đất không qua hình thức đấu giá để có: 02 suất đất ở x (mỗi suất là 200m² cho đồng bào dân tộc thiểu số = 400m²) đất để làm kế sinh nhai cho gia đình tại địa phương.

Theo khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013 quy định. Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do UBND cấp tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất.

Do vậy, việc đề nghị UBND thành phố Đ Phú bồi thường 400m² đất cho ông T, bà H để chuyển đổi thành đất ở. Ông T, bà H cũng chấp nhận việc nộp tiền sử dụng đất không qua hình thức đấu giá để có: 02 suất đất ở x (mỗi suất là 200m² cho đồng bào dân tộc thiểu số = 400m²) để làm kế sinh nhai cho gia đình tại địa phương là không đúng quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quàng Văn P1, bà Lò Thị CH, người đại diện theo uỷ quyền của ông PH, bà CH trình bày:

Các ông bà đều nhất trí như lời trình bày của ông T, bà H về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, việc tặng cho quyền sử dụng đất, quá trình quy chủ, kiểm đếm và thu hồi và nhất trí với các yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

Tại Bản án hành chính số 02/2023HC-ST ngày 26/4/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1 Điều 173; Điều 191; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 206; Điều 348 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 4 Điều 11; điểm c, d khoản 3 Điều 62; Điều 63; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 66; khoản 2 và khoản 3 Điều 69; khoản 1, khoản 2 Điều 74; khoản 1 Điều 75, Điều 77, 79, 80 của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ khoản 1 Điều 18, Điều 28, Điều 29, Điều 31 Luật Khiếu nại năm 2011;

Căn cứ Nghị định số: 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số: 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính;

Căn cứ Thông tư 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Quảng Văn T và bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án cụ thể như sau:

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy một phần Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ Phú, tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (đợt 4).

Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường về đất), mục d (Chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 29 đối với Nguyễn Thị H - Quảng Văn T tại Biểu chi tiết kèm theo Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Đ Phú.

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố ĐBP, V/v giải quyết khiếu nại của ông Quảng Văn P1, bản Hoang En, phường Nam Thanh, thành phố Đ Phú, tỉnh Đ (lần đầu).

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố ĐBP, V/v giải quyết khiếu nại của bà

Lò Thị CH, bản Hoong En, phường Nam Thanh, thành phố Đ Phú, tỉnh Đ (lần đầu).

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc hủy một phần Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ Phú, V/v Phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án theo QĐ số 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đ. (Đợt 9).

Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường về đất), mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 1 đối với Nguyễn Thị H - Quảng Văn T tại Biểu chi tiết kèm theo Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ Phú.

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc Buộc UBND thành phố ban hành biểu tính toán bồi thường mới đối với diện tích đất đã bị thu hồi, cụ thể: Bồi thường bằng đất (đất trồng cây hàng năm, lâu năm) có cùng mục đích sử dụng khu thu hồi đất; hoặc giá đất bồi thường sát với giá thị trường, cụ thể theo quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ, Ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024). Thực hiện đúng, đầy đủ và phù hợp với các chế độ hỗ trợ theo quy định tại Điều 19 (hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất) - Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

- Bác yêu cầu khởi kiện đối với việc đề nghị UBND thành phố Đ Phú có chế độ hỗ trợ đối với gia đình ông T, bà H để bố trí 02 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất không qua đấu giá (mỗi suất đất ở khoảng từ 170m² đến 200m² cho đồng bào dân tộc thiểu số x 02 suất = khoảng từ 340m² đến 400m² đất ở). Kiến nghị UBND thành phố Đ Phú tiếp tục thực hiện theo thông báo số 1350/TB-UBND ngày 10/9/2020 của UBND thành phố Đ Phú và những lời tuyên truyền của ông Phạm Văn Sỹ - Phó Chủ tịch UBND thành phố ĐBP là: Gia đình nào bị thu hồi 1.000m² đất (trồng cây lâu năm, hàng năm) thì sẽ được giao 01 (suất) đất ở có thu tiền sử dụng đất.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/5/2023, người khởi kiện là ông Quảng Văn T, bà Nguyễn Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần N là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo, vắng

mặt người bị kiện nên các bên đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày kháng cáo, căn cứ kháng cáo, ý kiến tranh tụng đã đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bị kiện, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm và có đơn xin xét xử vắng mặt.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:**

- *Về tố tụng:* Hoạt động tiến hành tố tụng của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội cũng như của Hội đồng xét xử phúc thẩm (viết tắt: HĐXXPT) đúng quy định của pháp luật; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Đơn kháng cáo của người khởi kiện làm trong hạn luật định là hợp lệ nên đủ điều kiện xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- *Về nội dung:* Đề nghị HĐXXPT áp dụng khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; nghe các bên đương sự trình bày, tranh luận; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về kháng cáo của người khởi kiện: Ngày 05/5/2023, người khởi kiện nộp đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm, thực hiện trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được Tòa án chấp nhận xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa phúc thẩm có mặt người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; vắng mặt người bị kiện, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên được Tòa án chấp nhận. Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, quyền khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Các Quyết định của UBND thành phố Đ Phú bị khởi kiện bao gồm: Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đ Phú; Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ Phú; Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ Phú; Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ Phú là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai có tác động trực tiếp đến quyền, lợi ích của ông T, bà H nên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính; Ông Quàng Văn T, bà Nguyễn Thị H có quyền khởi kiện vụ án hành chính và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 3 và Điều 30, khoản 1 Điều 115 của Luật Tổ tụng hành chính.

Ngày 13/3/2021, 29/03/2021, ông Quàng Văn T, bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện vụ án hành chính, Tòa án nhân dân tỉnh Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 4 Điều 32, Điều 116 của Luật tố tụng Hành chính.

[4] Xét kháng cáo của người khởi kiện:

[4.1] Xét tính hợp pháp của các Quyết định hành chính bị kiện:

- *Đối với Quyết định 804, Quyết định 2595 của UBND thành phố Đ Phú, tỉnh Đ:*

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi, Nghị định số 69/2019/NĐ-CP ngày 15/8/2019 của Chính Phủ quy định việc sử dụng tài sản công để thanh toán cho Nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - Chuyển giao; Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi và các Quyết định của UBND tỉnh Đ liên quan đến quản lý đất đai, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Đ. Ngày 08/5/2020, Ủy ban nhân dân thành phố Đ Phú ban hành Quyết định 813/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Thanh, Hà để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đ và Quyết định số 804/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú phạm vi thu hồi đất thực hiện dự án khác theo QĐ 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 4).

Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 về phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ (đợt 9), kèm theo biểu 01: Tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư..., và biểu 02: Chi tiết phương án điều chỉnh, bổ sung bồi thường, hỗ trợ các hộ gia đình khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân, trong đó điều chỉnh loại đất thu hồi và bồi thường của hộ ông T tại quyết định 804 từ đất trồng cây hàng năm sang đất trồng cây lâu năm và áp dụng giá đất tương ứng với loại đất sau điều chỉnh tại thời điểm thu hồi.

Các Quyết định 813, Quyết định 804, Quyết định 2595 được ban hành đúng về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, hình thức, hợp pháp về nội dung, thời hạn ban hành đúng theo quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 62; điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 66; khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 2 Điều 17 của Nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; hình thức được thực hiện theo đúng mẫu số 10 Ban hành kèm theo thông tư số: 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất.

Vì vậy ông T, bà H yêu cầu Tòa án huỷ một phần Quyết định 804, 2595 của UBND thành phố Đ Phú là không có căn cứ để chấp nhận.

- Đối với Quyết định số 272, 273 ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ Phú, tỉnh Đ:

Ngày 09/02/2021, UBND thành phố Đ Phú ban hành Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ Phú về việc giải quyết khiếu nại của ông Quảng Văn P1, bản Hoong En, phường Nam Thanh, thành phố Đ Phú, tỉnh Đ (lần đầu) và Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ Phú về việc giải quyết khiếu nại của bà Lò Thị CH, bản Hoong En, phường Nam Thanh, thành phố Đ Phú, tỉnh Đ (lần đầu). Ngày 20/9/2021, UBND thành phố cũng ban hành Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 về việc đính chính quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/2/2021 và quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/2/2021, trong đó đính chính nội dung xác minh về loại đất thu hồi của hộ ông T, bà H từ đất trồng cây hàng năm sang đất trồng cây lâu năm (gọi tắt là Quyết định 2938).

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ Phú đã căn cứ vào khoản 1 Điều 18, Điều 29, Điều 31 của Luật Khiếu nại năm 2011; điểm a khoản 1 Điều 22 của

Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Thông tư số 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Tổng thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số: 07/2013/TT-TTCT; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; Mẫu số 15-KN ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ. Do vậy, trình tự, thủ tục, hình thức ban hành Quyết định số 272 và Quyết định số 273 là hợp pháp.

Tuy nhiên, Quyết định số 272, 273 có vi phạm về thời hạn theo quy định tại Điều 28 của Luật Khiếu nại năm 2011 (khiếu nại từ ngày 23/9/2020 đến ngày 09/2/2021 ban hành quyết định giải quyết khiếu nại). Quá trình giải quyết đơn của UBND thành phố Đ Phú còn có thiếu sót, vi phạm nhưng không làm thay đổi bản chất của vụ việc nên Tòa án cấp sơ thẩm không hủy quyết định mà yêu cầu UBND thành phố Đ Phú rút kinh nghiệm là phù hợp.

*** Về nguồn gốc đất:** Thửa đất của gia đình ông Quảng Văn T, bà Nguyễn Thị H bị thu hồi để thực hiện đầu tư xây dựng công trình khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phú, tỉnh Đ có nguồn gốc do bố mẹ đẻ của ông T khai hoang, sau đó để lại cho ông T, bà H quản lý sử dụng. Căn cứ các tài liệu, hồ sơ, tờ kê khai, phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông T, bà H ngày 05/6/2019 với thành phần họp lấy ý kiến gồm trưởng bản Hoang En, đại diện UBND phường Nam Thanh và những gia đình sinh sống tại bản Hoang En (BL 199) đã thể hiện trong hồ sơ phương án, đã họp xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông T bà H có ghi “Thửa đất số 31+32 tờ bản đồ số 01 đất do bố mẹ khai hoang trước năm 1990 để lại cho con”. Ông T, bà H chưa được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất.

Ngày 08/5/2020, Ủy ban nhân dân thành phố Đ Phú ban hành Quyết định số 813/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của gia đình ông (bà) Thanh, Hà, cùng ngày UBND thành phố Đ Phú ban hành QĐ số 804/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để đầu tư xây dựng Khu tái định cư và được bồi thường diện tích 705,2m² (49,9m² đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) thuộc thửa số đất số 31; tờ bản đồ số 1; và 655,3 m² đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 1). Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và mảnh trích đo, chỉnh lý, trích lục địa chính số 09 năm 2019 tờ bản đồ số 01+02+03, khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4, thành phố Đ Phú do Công ty cổ phần Tài nguyên & Môi trường Việt Thành thực hiện ngày 10/4/2019; được Sở Tài nguyên và Môi trường phê

duyet ngày 16/4/2019 thì bà Nguyễn Thị H, ông Quảng Văn T bị thu hồi diện tích 49,9m² thuộc thửa đất số 31; diện tích 655,3m² thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01.

Người khởi kiện và người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện cho rằng tổng diện tích đất bị thu hồi là 2.406,5 m². Xét thấy, tại Quyết định thu hồi số 813 ngày 08/05/2020 thì diện tích ông (bà) Thanh, Hà bị thu hồi là 705,2m² (gồm diện tích 49,9m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm (BHK) thuộc thửa đất số 31; tờ bản đồ số 1 và diện tích 655,3 m² thửa đất số 32, tờ bản đồ số 1). Việc người khởi kiện cộng dồn diện tích đất ở các Quyết định thu hồi đất, các dự án khác nhau để yêu cầu bồi thường, hỗ trợ là không phù hợp với quy định tại Điều 5 Thông tư 04/VBHN-BTNMT ngày 28/02/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với tổng diện tích đất bị thu hồi 1.702,0m², bao gồm các thửa 15, 16, 17, 19, UBND thành phố Đ Phủ đã ban hành Quyết định thu hồi, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại QĐ số 2390/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 đã điều chỉnh mục đích sử dụng đất và áp đơn giá bồi thường đối với loại đất trồng cây lâu năm cho ông T, bà H. Đối với phần diện tích bị thu hồi này ông T, bà H đã khởi kiện vụ án hành chính khác nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết trong vụ án này là có căn cứ.

*** *Xác định loại đất bồi thường:*** Năm 2018, khi kiểm đếm để thu hồi đất của ông T, cơ quan chức năng đã xác định trên đất có trồng các cây hàng năm và lâu năm như táo, xoài, bưởi, mít, nhãn, tre, bơ, dừa, giềng, chuối; trong đó phần lớn là các cây lâu năm. Theo quy định tại khoản 4 Điều 11 của Luật Đất đai năm 2013, Điều 3 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai, khoản 1 Điều 2 của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật Đất đai thì có căn cứ xác định đất của vợ chồng Thanh, Hà được sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm. Tuy Quyết định 804 xác định loại đất bồi thường cho ông bà Thanh, Hà là đất trồng cây hàng năm nhưng đã được sửa đổi tại Quyết định số 2595 từ “*đất bằng trồng cây hàng năm khác*” sang “*đất bằng trồng cây lâu năm*”. Việc sửa đổi quyết định hành chính trong quá trình giải quyết vụ án cũng là một trong những quyền của người bị khởi kiện quy định tại khoản 4 Điều 57 của Luật tố tụng hành chính, việc sửa đổi này đã khắc phục được sai sót của Quyết định 804 nên không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người khởi kiện.

*** *Xét căn cứ bồi thường về đất:***

Việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử

dụng với loại đất bị thu hồi, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tại thời điểm thu hồi đất theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 74; khoản 1 Điều 75, Điều 77 của Luật Đất đai năm 2013. Tuy nhiên, tại thời điểm dự án, trên địa bàn thành phố Đ Phú không còn quỹ đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý để giao cho người bị thu hồi đất nông nghiệp nên không bồi thường về đất là có căn cứ.

Căn cứ Quyết định 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất cụ thể, giá tài sản trên đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với Dự án khu tái định cư các hộ dân đường 15m, UBND thành phố Đ Phú thu hồi 705,2m² (*Đất trồng cây lâu năm*) của gia đình ông T, bà H và thực hiện bồi thường bằng tiền là phù hợp với hiện trạng thực tế sử dụng đất và đúng quy định tại khoản 2 Điều 74, Điều 77, điểm đ khoản 2 và điểm đ khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Việc Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ quyết định 592 và điều chỉnh giá đất bồi thường cho ông bà Thanh, Hà theo Quyết định 2595 từ 65.000 lên 75.000/m² là đúng quy định. Ông T, bà H cho rằng phải áp dụng Quyết định số 611, 613, ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ để ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ là không có cơ sở, không phù hợp với khoản 4 Điều 1 của Quyết định 611 và khoản 1 Điều 1 của Quyết định 613.

*** Về chế độ hỗ trợ:**

Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất xác định: hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất. Đơn giá 82.000 đ x 2 lần = 164.0000 đ/m²), tổng cộng là: 16.924.800 đ là có căn cứ.

Như vậy, Quyết định 2595 đã điều chỉnh một phần Quyết định 804 về loại đất, tiền bồi thường hỗ trợ về đất, chế độ hỗ trợ của vợ chồng ông T là đúng quy định.

*** Đối với các yêu cầu bồi thường, hỗ trợ:**

Theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt tại Quyết định số 1286 thì khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 không quy hoạch quỹ đất nông nghiệp do Nhà nước quản lý để thực hiện bồi thường bằng đất nông nghiệp cho người bị thu hồi đất. Còn giá đất để tính tiền bồi thường theo các Quyết định số 53, 611, 613 không áp dụng đối với loại đất mà gia đình ông

T bị thu hồi, cụ thể: Theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 1 của Quy định áp dụng bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định 53 thì Bảng giá đất này không áp dụng trong trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013, cụ thể là trường hợp tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất. Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định 611 và khoản 1 Điều 1 Quyết định 613 thì giá đất trồng cây lâu năm được phê duyệt tại các quyết định này áp dụng đối với loại đất có nhà ở không được công nhận là đất ở. Do vậy không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

- Đối với đề nghị bố trí 02 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất không qua đấu giá, theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 47/2014, khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà được bồi thường bằng tiền thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền còn được hỗ trợ bằng tiền không quá 05 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của địa phương, mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ vào điều kiện thực tế của địa phương. Do vậy việc Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt phương án hỗ trợ bằng tiền đối gia đình ông T bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất theo quyết định 2595 là có căn cứ, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

- Đối với kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố giao 01 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất cho gia đình ông T: Theo Khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013 thì việc bồi thường được thực hiện bằng việc giao đất có cùng mục đích sử dụng với loại đất thu hồi. Đất bị thu hồi của ông bà Thanh, Hà là loại đất nông nghiệp, không phải đất ở, do vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này.

Tòa án cấp sơ thẩm đã phân tích và kết luận việc UBND thành phố Đ Phủ ban hành Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 08/5/2020; Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/05/2020; Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 là đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục theo quy định tại điểm c, d khoản 3 Điều 62; điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều 66; khoản 2 và khoản 3 Điều 69 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 1, 2 Điều 17 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai là có căn cứ. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã xem xét đối với các quyết định hành chính có liên quan đến quyết định hành chính bị khiếu kiện là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo đơn khởi kiện của ông Quảng Văn T, bà Nguyễn Thị H là đúng thẩm quyền, đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính, không vi phạm nghiêm trọng thủ tục

tổ tụng, đã xem xét, đánh giá khách quan toàn diện các yêu cầu khởi kiện và quyết định hành chính có liên quan đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện không có chứng cứ mới làm thay đổi bản chất vụ án nên không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông Quảng Văn T, bà Nguyễn Thị H không được chấp nhận nên ông T, bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Quảng Văn T, Nguyễn Thị H và giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 26 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Quảng Văn T, bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000068 ngày 11/5/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 04/12/2023.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Phách Nguyễn Ngọc Hoa

Ngô Quang Dũng

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Quang Dũng